

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám; Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 405/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn B (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Thắng L, xã Ngư L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Số 167/9 đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha Bùi Văn Q (Đã chết) và mẹ Bùi Thị V, sinh năm 1956; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có bốn anh chị em; Vợ Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981, có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2010; nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 09-9-2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

*** Bị hại:**

1. Anh Vương Ngọc T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ : Số 167/6 đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Bảo H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ : Số 167/11 đường Đ, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn B ở gần nhà anh Vương Ngọc T. B biết được trong dịp nghỉ Lễ Quốc Khánh 02-9-2023, gia đình anh Vương Ngọc T đi vắng nhiều ngày nên B 02 lần

đột nhập vào nhà của anh T để trộm cắp tài sản như sau: Lần thứ nhất: vào khoảng 22 giờ ngày 04-9-2023, B leo lên sân thượng nhà anh T và giật mạnh cửa trên sân thượng sau đó đột nhập vào nhà lấy trộm tiền trong con heo đất (do sợ nhà anh T phát hiện, B không lấy con heo đất đi mà chọn cách móc tiền trong heo đất ra). B dùng mũi con dao thái lan để đưa tiền ra góc gần khe nhét tiền trên con heo đất, sau đó lấy cọng dây kẽm móc tiền ra, cứ như thế B đã lấy được số tiền khoảng hơn 7.000.000 đồng cho đến khi không móc được tiền bên trong nữa thì mang con heo đất để lại chỗ cũ. Lần thứ hai: Khoảng hơn 23 giờ ngày 05-9-2023, B tiếp tục vào nhà anh T bằng lối cũ trên sân thượng rồi vào trong nhà lục tìm trong tủ lấy trộm được các loại trang sức gồm: dây chuyền, nhẫn bằng vàng và bằng bạc. Số vàng, bạc chiếm đoạt được B chưa kịp bán thì bị Công an Phường M phát hiện nên B đã giao nộp kèm theo số tiền 3.500.000đ lấy trộm trong con heo đất ở lần trước chưa tiêu hết. Công an Phường M đã lập biên bản thu giữ và niêm phong.

Quá trình điều tra, B còn khai nhận, khoảng đầu tháng 8/2023, biết nhà anh Nguyễn Bảo H đi vắng. Trước đó, B quan sát nhiều lần thấy người nhà anh H sau khi khóa cửa nhà thường để chìa khóa ở trên một cái móc gắn ngay phía trên ghế đá để ngoài hè. Vì vậy, vào buổi tối hôm nhà anh H đi vắng, B đã leo qua tường rào sang nhà anh H lấy chìa khóa mở cửa chính rồi vào trong nhà lấy trộm tài sản 02 (hai) lần: Lần thứ nhất, lấy trộm được 01 máy tính xách tay để trên giường và số tiền khoảng hơn 3 triệu đồng trong con heo đất ở trong phòng ngủ rồi tẩu thoát thành công. Lần thứ hai, B tiếp tục đột nhập vào nhà anh H lục tìm lấy trộm một số trang sức gồm có: dây chuyền, nhẫn và lắc đeo tay trong ngăn bàn trang điểm trong phòng ngủ. Sau khi lấy trộm thành công, B mang toàn bộ tài sản đi tìm nơi tiêu thụ, B tiêu xài hết số tiền từ việc bán tài sản lấy trộm được. B không nhớ nơi mình đã bán tài sản do đó Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản bị mất trộm.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 157/KL-HĐĐG-TTHS ngày 01-11-2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự, tổng giá trị tài sản mà B đã trộm của Nguyễn Bảo H là 16,716,750 đồng (trong đó: 13.716.750 đồng giá trị tài sản bị chiếm đoạt sau khi định giá và 3.000.000 tiền mặt) và anh Vương Ngọc T là 21.766.644 đồng (trong đó: 14.766.644 đồng giá trị tài sản bị chiếm đoạt sau khi định giá và 7.000.000 tiền mặt).

Căn cứ bản kết luận giám định số 6942/KL-KTHS ngày 20-11-2023 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: các loại trang sức của anh Vương Ngọc T có chất liệu từ vàng, bạc, đồng.

Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố Vũng Tàu, Bùi Văn B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. (Theo bút lục điều tra từ số 69-87)

* Việc thu giữ và xử lý tài liệu, đồ vật, tài sản, vật chứng:

Toàn bộ số trang sức mà Công an Phường M đã thu giữ từ Bùi Văn B cùng số tiền là 3.500.000đ, cơ quan điều tra xác định là tang vật của vụ án, là tài sản của anh Vương Ngọc T. Anh T đã làm đơn xin nhận lại tài sản, cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho anh T.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H yêu cầu bị cáo B bồi thường toàn bộ giá trị tài sản mà B đã chiếm đoạt.

Anh T đã nhận một phần tài sản mà bị cáo B đã chiếm đoạt, phần còn lại là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) anh T yêu cầu bị cáo B bồi thường cho anh T.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 20-12-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo B, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn B từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh H giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 16.716.750đ (Mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh T giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh T; Về xử lý tài sản, đồ vật, vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại anh T nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có tự khai, lời khai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo được xác định như sau:

Căn cứ lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa, đối ch lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng đầu tháng 8/2023, tại nhà số 167/11 Đ, Phường M, thành phố V, Bùi Văn B đã có hành vi lén lút 02 lần đột nhập vào nhà của anh Nguyễn Bảo H trộm cắp số tài sản có tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 16.716.750 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Đến khoảng đầu tháng 09/2023, B tiếp tục đột nhập 02 lần nữa vào nhà của anh Vương Ngọc T trộm cắp số tài sản có tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 21.766.644 đồng (Hai mươi một

triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bốn bốn đồng). Tổng giá trị tài sản mà B chiếm đoạt của anh H và anh T là 37.883.394 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng). Xét, hành vi nêu trên của B đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo B gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần tuyên một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 04 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo B.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản cho bị hại là anh T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H yêu cầu bị cáo B bồi thường toàn bộ giá trị tài sản mà B đã chiếm đoạt. Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 157/KL-HĐĐG-TTHS ngày 01-11-2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự, tổng giá trị tài sản mà B đã trộm của anh H là 16.716.750 đồng (trong đó: 13.716.750 đồng giá trị tài sản bị chiếm đoạt sau khi định giá và 3.000.000 tiền mặt), như vậy giá trị tài sản mà bị cáo B đã chiếm đoạt của anh H là 16.716.750 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) và tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt cho anh H. Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo B phải bồi thường số tiền 16.716.750 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) cho anh H.

Anh T đã nhận một phần tài sản mà bị cáo B đã chiếm đoạt, phần còn lại là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) anh T yêu cầu bị cáo B bồi thường cho anh T và tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường cho anh T. Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo B phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh T.

[7] Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.010.837đồng (Một triệu không trăm mười ngàn tám trăm ba mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Bùi Văn B** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn B 20 (Hai mươi) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09-9-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Không giải quyết:

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Bị cáo B phải bồi thường số tiền 16.716.750 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm mười sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng) cho anh Nguyễn Bảo H.

Bị cáo B phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh Vương Ngọc T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo B phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 1.010.837đồng (Một triệu không trăm mười ngàn tám trăm ba mươi bảy đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo B, bị hại anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại anh H vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PC06; PV10);
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Phụng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

